TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 4 - 2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Hải Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Oanh

Ông Nguyễn Hồng Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dạ Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Quang Ch, sinh năm 1947; (vắng mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1955; (vắng mặt)

Cùng trú tại: thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 18/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phan Quang Ch trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Kh kết hôn từ tháng 7 năm 1977 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tuy nhiên do thời gian kết hôn đã lâu nên giấy đăng ký kết hôn của ông bà đã mất. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được 38 năm, sau đó đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Kh thường xuyên ghen tuông vô cớ, sinh sự với ông Ch, chửi bới, xúc phạm ông Ch dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Xét thấy

không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vậy, tình cảm vợ chồng không còn ông Ch đã 03 lần có đơn xin ly hôn nộp cho Tòa án nhưng bà Kh xin lỗi nên ông Ch lại rút đơn về tuy nhiên sau đó bà Kh vẫn không thay đổi. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng không thể khắc phục được, chính vì vậy ông bà đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay ông Ch thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Phan Quang Ch đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kh. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Như Q, sinh ngày 09/02/1985 và cháu Phan Khánh T, sinh năm 1982 các cháu đều đã trưởng thành nên ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung: ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệp tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Kh nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị Kh không có mặt để tham gia tố tụng, ông Phan Quang Ch có đơn đề nghị không tiến hành phiên hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã giao nhận hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bà Nguyễn Thị Kh.

Tại các biên bản xác minh của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với trưởng thôn An Tiến; Chủ tịch Hội phụ nữ xã Hùng An, Công chức Tư pháp xã Hùng An phản ánh về tình trạng hôn nhân của ông Phan Quang Ch và bà Nguyễn Thị Kh như sau: Ông Phan Quang Ch và bà Nguyễn Thị Kh tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 1977, đã có 02 con chung là Là Phan Như Q, sinh ngày 09/02/1985 và Phan Khánh T, sinh năm 1982. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh được khoảng 07 năm nay. Nguyên nhân là do bà Kh hay ghen tuông vô cớ, chửi bới ông Ch, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay. Trước đó ông Ch đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng không cải thiện được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không đến tham gia tố tụng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Phan Quang Ch được ly hôn bà Nguyễn Thị Kh. Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 02 con chung nhưng đều đã đủ 18 tuổi do đó không đề cập, giải quyết. Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí: nguyên đơn là ông Phan Quang Ch là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là ông Phan Quang Ch có đơn khởi kiện "Ly hôn" với bị đơn là bà Nguyễn Thị Kh, bà Nguyễn Thị Kh có nơi cư trú tại thôn A, xã H, huyện Bắc Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Phan Quang Ch vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kh vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Quang Ch và bà Nguyễn Thị Kh.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Quang Ch và bà Nguyễn Thị Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977 trên cơ sở tự nguyện, có 02 con chung là Phan Khánh T, sinh năm 1982 và Là Phan Như Q, sinh năm 1985, đã được Ủy ban nhân dân xã H xác nhận, do đó ông Ch, bà Kh được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà Kh hay ghen tuông vô cớ và chửi bới ông Ch khiến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn trầm trọng, ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải và trước đó ông Ch đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhưng lại rút đơn về đoàn tụ, tuy nhiên sau đó cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay. Xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay ông Phan Quang Ch có yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị Kh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Phan Quang Ch được ly hôn bà Nguyễn Thị Kh.

[4] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung nhưng đều đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: nguyên đơn ông Phan Quang Ch là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phan Quang Ch được ly hôn bà Nguyễn Thị Kh.

2. Về án phí: ông Phan Quang Ch được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hải Hà